

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2023

*“V/v chia tài sản chung sau khi ly
hôn giữa anh Q- chị Tr”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hường.

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà Z, tổ Z1, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976

Đăng ký HKTT: Tổ Z1, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội Y, phân trại số Y2, Trại giam Th, tỉnh Thanh Hóa.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Xuân Q1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ Z2, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh Q, vắng mặt chị Tr do đang chấp hành án trong trại giam, anh Q1 có đơn xin được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Vũ Xuân Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Tr là quan hệ vợ chồng, do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Ngày 30/5/2018 chị Tr bị bắt giam và bị xử phạt 16 năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tháng 02/2020 anh đã làm đơn khởi kiện ly hôn gửi Tòa án. Ngày 08/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã xử cho anh được ly hôn chị Tr; xử giao 02 con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung do anh và chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy tòa án không xét.

Anh Q khai anh và chị Tr có tài sản chung là thửa đất ở số 122, tờ bản đồ số 03, diện tích 90,9m2, địa chỉ thửa đất tổ Z2, thị trấn C, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 90,9m2 lợp tôn. Về nợ chung anh Q khai thời điểm vợ chồng còn đoàn tụ, khi chị Tr chưa bị bắt giam, anh và chị Tr có khoản nợ chung gồm nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện Qu 1.200.000.000đồng, nợ bà Trần Thị Lsinh năm 1963 ở tổ 2 thị trấn Quỳnh côi 250.000.000đồng. Sau khi chị Tr bị bắt giam và đi thụ án, anh đã vay anh Vũ Xuân Q1 (em trai anh Q) 1.450.000.000đồng để trả nợ Ngân hàng và trả nợ bà L. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị Tr, anh đề nghị được sở hữu và sử dụng nhà và đất ở, anh nhận trả nợ cho anh Q1. Trị giá tài sản sau khi trừ nợ anh sẽ trả chênh lệch về tài sản cho chị Tr theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Tr: Tại biên bản ghi lời khai do Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với chị Tr tại trại giam Th chị Tr xác nhận chị và anh Q trong thời kỳ hôn nhân có tài sản chung là 01 thửa đất ở số 122, tờ bản đồ số 03, diện tích 90,9m2, địa chỉ thửa đất tổ Z2, thị trấn C và nhà xây trên đất. Về nợ chung chị Tr khai trước khi bị bắt giam chị và anh Q có khoản nợ chung gồm Ngân hàng nông nghiệp huyện Qu 1.200.000.000đồng và khoản nợ của bà Trần Thị Liên. Sau khi bị bắt giam anh Q là người trực tiếp trả nợ Ngân hàng. Đối với khoản nợ của bà L chị Tr khai khi chị bị bắt giam vợ chồng còn nợ bà L khoảng hơn 10 triệu đồng do chị không nhớ cụ thể. Về yêu cầu khởi kiện của anh Q, chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo đề nghị của anh Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Xuân Q1 khai: Anh là em trai anh Q, thời gian anh Q và chị Tr còn chung sống có vay nợ Ngân hàng và bà Trần Thị L. Sau khi chị Tr bị bắt giam do đến kỳ hạn trả nợ, anh đã cho anh Q vay số tiền 1.450.000.000đồng để anh Q trả nợ Ngân hàng và trả nợ cho bà L. Nay anh Q khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn, anh nhất trí để anh Q trả anh số nợ trên theo quy định của pháp luật và anh không yêu cầu tính lãi xuất. Anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người làm chứng là bà Trần Thị L khai: Ngày 25/8/2017 anh Q, chị Tr vay của bà số tiền 250.000.000đồng để kinh doanh. Sau khi chị Tr bị bắt giam anh Q là người thực tiếp trả bà số tiền vay trên và lãi xuất. Anh Q đã thanh toán số nợ trên

cho bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn do đang chấp hành án trong trại giam, nhưng đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án và đã có lời khai do Tòa án tiến hành thu thập. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chia và giao cho anh Q được quyền sử dụng và sở hữu thửa đất ở số 122, tờ bản đồ số 03, diện tích 90,9m², địa chỉ thửa đất tổ Z2, thị trấn C và nhà xây dựng trên đất có tổng trị giá là 4.565.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm sáu mươi năm triệu đồng). Buộc anh Q có nghĩa vụ trả nợ khoản nợ chung cho anh Vũ Xuân Q 1.450.000.000 đồng và trả chênh lệch về tài sản cho chị Tr sau khi đối trừ nợ chung là 1.557.500.000 đồng. Anh Q và chị Tr phải chịu án phí dân sự chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Xuân Q khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Tr. Chị Tr là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ Z2, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn hiện đang thụ án trong trại giam đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai, bị đơn đã có ý kiến đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

[3] Về nội dung vụ kiện: Anh Vũ Xuân Q và chị Nguyễn Thị Tr là quan hệ vợ chồng cùng cư trú tại Tổ Z2, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình. Do chị Tr phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì vậy ngày 30/5/2018 chị Tr bị bắt giam và bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 16 năm tù. Do không thể chung sống, tháng 02/2020 anh Q đã làm đơn khởi kiện ly hôn, ngày 08/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã xét xử cho anh Q được ly hôn chị Tr; xử giao 02 con chung cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung do anh Q và chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy tòa án không xét.

Anh Q và chị Tr đều xác định trong thời kỳ hôn nhân, anh Q và chị Tr có tài sản chung gồm: 01 thửa đất ở số thửa 122, tờ bản đồ số 03, diện tích 90,9m², địa chỉ thửa đất tổ Z2, thị trấn C. Trên thửa đất có 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn và công trình phụ + bếp. Ngày 21/3/2023 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy thửa đất và nhà ở dạng hình ống, mặt trước giáp đường giao thông rộng 5,15m và 03 mặt giáp dân cư. Nhà cấp bốn lợp tôn nằm ở phía ngoài, phía trong là bếp và nhà vệ sinh diện tích 20m². Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Phụ đã định giá thửa đất là 4.545.000.000đồng; nhà vệ sinh 20.000.000đồng; Nhà cấp bốn đã hết khấu hao không còn giá trị. Tổng trị giá tài sản là 4.565.000.000đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi năm triệu đồng*)

Về nợ chung: Anh Q và chị Tr thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện Qu là 1.200.000.000đồng (*một tỷ hai trăm triệu đồng*). Khoản nợ chung không thống nhất: Anh Q và chị Tr đều khai trước khi chị Tr bị bắt giam, anh Q và chị Tr có vay nợ bà bà Trần Thị L sinh năm 1963 ở tổ 2 thị trấn C 250.000.000đồng, chị Tr cho rằng đến thời điểm chị bị bắt giam chị và anh Q đã trả và còn nợ lại bà L khoảng hơn mười triệu đồng nhưng chị Tr không có chứng cứ chứng minh, anh Q khai đến thời điểm chị Tr bị bắt giam số nợ bà L mới trả được lãi, số nợ gốc vẫn còn nợ là 250.000.000đồng. Tại biên bản ghi lời khai chị Tr khai sau khi chị bị bắt giam, anh Q ở nhà là người trả hai khoản nợ trên, nguồn tiền anh Q vay mượn của ai để trả hai khoản nợ trên thì chị không biết.

Xem xét yêu cầu của các bên về khoản nợ chung, qua điều tra và xác minh cho thấy sau khi chị Tr bị bắt giam, do khoản nợ đến kỳ hạn trả nợ, anh Q đã vay của anh Vũ Xuân Q1 để trả nợ cho Ngân hàng. Đối với khoản nợ của bà L, tại biên bản xác minh bà L cung cấp ngày 25/8/2017 chị Tr và anh Q đã vay của bà L số tiền 250.000.000đồng, sau khi chị Tr bị bắt giam anh Q là người đã thanh toán khoản nợ trên cho bà L. Biên bản ghi lời khai của anh Vũ Xuân Q1 khai sau thời điểm chị Tr bị bắt giam, do các khoản nợ đến kỳ hạn trả nợ, vì vậy anh đã cho anh Q vay số tiền làm nhiều lần tổng là 1.450.000.000đồng để trả nợ bà L 250.000.000đồng và trả nợ Ngân hàng 1.200.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ xác định trước khi chị Tr bị bắt giam khoản nợ của bà L chưa được thanh toán, sau khi chị Tr bị bắt giam anh Q đã vay của anh Q1 để trả nợ bà L và Ngân hàng. Vì vậy cần xác định khoản nợ chung của anh Q và chị Tr được xác định là 1.450.000.000đồng.

Xét yêu cầu của các bên về chia tài sản chung và trả nợ chung cho thấy: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Q đều đề nghị được sở hữu nhà + đất ở và anh nhận trả nợ chung. Đối trừ khoản nợ chung anh nhận trả chênh lệch tài sản chung cho chị Tr bằng tiền. Tại biên bản ghi lời khai của chị Tr ngày 27/3/2023 chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo đề nghị của anh Q. Xét thấy nhà và đất anh Q đang quản lý và sử dụng, hiện tại anh Q phải nuôi 02 con chung dưới 18 tuổi, nếu chia đôi thửa đất trên thì không đảm bảo điều kiện tách thửa theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình. Vì vậy xử chia và giao cho anh Q được quyền sử

dụng và sở hữu nhà và đất ở. Buộc anh Q phải trả khoản nợ chung cho anh Q1 và anh Q có nghĩa vụ trả chênh lệch về tài sản chung cho chị Tr bằng tiền là phù hợp với điều 59 luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí và lệ phí tòa án: Anh Q nhận chịu cả 1.800.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. Anh Q đã nộp số đủ tiền trên.

Anh Q và chị Tr phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Q và chị Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về tài sản chung:

- Xử chia và giao cho anh Vũ Xuân Q được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất ở số thửa 122, tờ bản đồ số 03, diện tích 90,9m², địa chỉ thửa đất tổ Z2, thị trấn C trị giá 4.545.000.000 đồng và công trình xây dựng trên đất trị giá 20.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 4.565.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi năm triệu đồng*)

- Xử buộc anh Vũ Xuân Q phải có trách nhiệm trả khoản nợ chung cho anh Vũ Xuân Q1: 1.450.000.000 đồng. (*một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*)

- Xử buộc anh Vũ Xuân Q phải có trách nhiệm trả trị giá chênh lệch về tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Tr sau khi trả nợ chung: 1.557.500.000 đồng (*Một tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*)

Tổng trị giá tài sản anh Q được hưởng sau khi trả nợ và trả chênh lệch cho chị Tr là 1.557.500.000 đồng. Tổng tài sản chị Tr được hưởng là 1.557.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/Về án phí: Anh Q và chị Tr mỗi người phải chịu 58.725.000 đồng án phí chia tài sản và 33.000.000 đồng án phí trả nợ có giá ngạch. Cộng cả hai loại án phí

mỗi người phải chịu là 91.725.000đồng

Chuyển số tiền 46.000.000 đồng anh Qđã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004919 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Anh Qcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Tr, anh Q1có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ..
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC